TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 11 – 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, P1, huyện T, tỉnh V

Bị đơn: Anh Võ Văn G, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, P1, huyện T, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2001 qua quen biết chị C và anh G tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/12/2001.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 18 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 cho đến nay không về đoàn tụ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, anh G không quan tâm, chăm sóc chị và con, anh

G thường xuyên ăn nhậu chị C có khuyên ngăn nhưng anh G cũng không thay đổi. Sau thời gian sống ly thân, chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị C và anh G có 01 con chung tên là Võ Minh C1, sinh ngày 11/5/1999 đã trưởng thành nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh G: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh G, nhưng anh G không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 08/7/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Võ Văn G với chị Nguyễn Thị Kim C được Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T1 cấp ngày 12/12/2001 thì anh G và chị C là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T cấp ngày 13/12/2001 thì cháu Võ Minh C1 sinh ngày 11/5/1999 là con chung của anh G và chị C.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh G không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thị Kim C thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

Ngày 08/7/2021 chị Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yên cầu của đương sự:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị C với anh G là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C với anh G là do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không tự đoàn tụ được với nhau, chị C nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh G nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị C và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C với anh G; cho chị C được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị C và anh G có một con chung là Võ Minh C1, sinh ngày 11/5/1999, hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C.

1.1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C. Cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Võ Văn G.

1.2. Về con chung: Anh Võ Minh C1, sinh ngày 11/5/1999 đã trưởng thành chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số No 0011071 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị C không phải nộp thêm.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị C, anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh